## TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

## Đề kiểm tra ĐQT môn: Nguyên lý ngôn ngữ lập trình, Dề số 68

Bộ môn Toán ứng dụng

Được dùng tài liệu. Không trao đổi, hỏi bài.

Họ và tên: \_\_\_\_\_MSSV: \_\_\_\_Lớp MH:\_\_\_\_

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
		. •			.•		. •		

Câu 1. Hợp ngữ tốt hơn mã máy vì...

A. dễ đọc

C. ít mắc lỗi

B. dễ nhó các chỉ dẫn

D. được viết bằng các từ khóa giống tiếng Anh

Câu 2. Lệnh nào không có trong hợp ngữ?

A. LOAD

B. STORE

C. ADD

D. SORT

Câu 3. Đoạn mã sau thuộc loại ngôn ngữ nào

1 LOAD r1, c 2 LOAD r2, d 3 ADD r1, r2 4 DIV r1, #2

A. Mã máy

B. Hợp ngữ

C. Ngôn ngữ cấp cao

Câu 4. Ngôn ngữ cấp cao viết nhanh hơn so với hợp ngữ hoặc ngôn ngữ máy nhưng chúng khó đọc và khó hiểu hơn.

A. Đúng

B. Sai

Câu 5. Quá trình phát triển chuỗi các chỉ dẫn cho phép máy tính hoàn thành một tác vụ cụ thể gọi là

A. Thuật toán lặp

B. Hợp ngữ

C. Lập trình máy tính

Câu 6. Các đặc điểm của ngôn ngữ lập trình bậc cao

A. rất hiệu quả đối với bộ vi xử lý

D. mỗi câu lênh có nhiều hướng dẫn sử dụng

B. dễ đọc

C. là thông dịch hoặc biên dịch

E. là mã máy

Câu 7. Nguyên nhân gây ra lỗi, hư hỏng phần mềm là do

A. Công ty phần mềm

C. Cả công ty và nhà phát triển phần mềm

B. Nhà phát triển phần mềm

D. Phần mềm

Câu 8. Dùng lệnh nào để kết thúc chương trình viết bằng hợp ngữ?

A. STOP

B. HALT

C. END

D. FINISH

Câu 9. Bạn hiểu gì về phần mềm?

A. Bộ phim mới

C. Set đồ ăn

**B.** Bô đồ thể thao

D. Tập các chương trình

Câu 10. Giải quyết lỗi trong mộ	chương trình được gọi là.					
A. Debugging (gỡ lỗi)		C. Error Checking (kiểm tra lỗi)				
B. Refixing (sửa lại)		<b>D.</b> Problem Solving (giải quyết vấn đề)				
Câu 11. Máy tính phải dịch mọi	thứ sang nhị phân					
A. Đúng		<b>B.</b> Sai				
Câu 12. Ba loại trình dịch chính	là					
A. Hợp ngữ, Biên dịch & Thô	ng dịch	C. Hợp ngữ, Biên dịch &	Chuyển ngữ			
B. Hợp ngữ, Kịch bản & Thô	ng dịch	D. Chuyển ngữ, Kịch bản & Thông dịch				
Câu 13. Máy tính hoạt động the	o chu trình nào?					
A. Xử lý, đầu ra, đầu vào		C. Đầu vào, xử lý, đầu ra				
<b>B.</b> Đầu ra, xử lý, đầu vào		<b>D.</b> Không ý nào đúng				
Câu 14. Chất lượng phần mềm	là gì?					
A. Đáp ứng nhu cầu của khá	ich hàng	C. Tổ chức thi học kỳ	C. Tổ chức thi học kỳ			
B. Phục vụ bữa trưa tốt nhất		D. Mở lại các trường đại học và cao đẳng				
Câu 15. Sơ đồ giúp lập trình viê	n chú ý đến tính logic của	lời giải cho bài toán.				
A. Đúng		<b>B.</b> Sai				
Câu 16. Hai loại ngôn ngữ được	sử dụng trong hệ thống m	náy tính				
A. Bậc cao	<b>B.</b> Bậc 42	C. Bậc thấp	<b>D.</b> Bậc trung			
Câu 17. Công thức đưa ra chỉ c	lẫn cho máy tính thực hiện	một tác vụ cụ thể gọi là				
A. Bit Depth	B. Đồ họa véctơ	C. Đồ họa Bit-Map	<b>D.</b> Thuật toán			
Câu 18. Người giải quyết các vấ	ìn đề phức tạp bằng cách a	áp dụng toán học và khoa học c	được gọi là			
A. Cử nhân ứng dụng công r	nghệ thông tin	C. Kỹ sư				
B. Donald Trump		<b>D.</b> Vận động viên				
Câu 19. Kỹ thuật phần mềm liêi	າ quan đến					
A. Sử dụng các công cụ và k	ử dụng các công cụ và kỹ thuật trong phát triển phần mềm					
B. Sử dụng các phương kho	dụng các phương khoa học để phát triển phần mềm					
<b>C.</b> Cả A và B						
<b>D.</b> Không ý nào đúng						
Câu 20. Quá trình lập trình máy đúng trình tự gọi là	<sup>,</sup> tính, lập tài liệu, thử nghié	ệm và sửa chữa lớn thông qua	các giai đoạn kế tiếp nhau theo			

A. Thuật toán tuyến tính

B. Sơ đồ

C. Thuật toán lặp

D. Phát triển phần mềm

## Phần tư luân

**Câu 1.** a) Tính giá trị của biểu thức hậu tố 4 5 - 3 2  $\hat{}$  1 + /

b) Viết biểu thức  $\frac{\Gamma\left(\frac{n+1}{2}\right)}{\sqrt{n\pi}\Gamma\left(\frac{n}{2}\right)}\left(1+\frac{x^2}{n}\right)^{-\frac{n+1}{2}}$  dưới dạng hậu tố, trong đó xem hàm  $\Gamma$  như toán tử một ngôi.

Câu 2. Lập lớp Person có các trường thông tin (1) name: họ tên, (2) giới tính (3) year: năm sinh, (4) height: chiều cao (m), và (5) weight: cân nặng (kg). Sau đó

a) Tạo mới một đối tượng có các thông tin (1) Nguyễn Văn An, (2) nam, (3) 2002, (4) 1.7, và (5) 70.

b) Tạo một file (định dạng theo ý bạn) chứa dữ liệu giống như sau

Họ tên	Giới tính	Năm sinh	Chiều Cao	Cân nặng
An	nam	2002	1.70	70
Bình	nữ	2000	1.65	52
Cúc	nữ	1989	1.55	65
Dư	nam	1985	1.68	63
Hiền	nữ	2004	1.72	58

rồi nạp file đó thành một dãy các đối tượng.

c) Lập phương thức tính chỉ số khối cơ thể BMI =  $\frac{\text{cân nặng}}{\text{chiều cao}^2}$ . Tính tỷ lệ người có có chỉ số khối bình thường, tức là từ 18.5 đến dưới 23.

d) Lập phương thức tính tuổi hiện nay của đối tượng.

**Câu 3.** Cho  $n, r \in \mathbb{Z}$ . Liệt kê các chỉnh hợp chập r của 1, 2,..., n.